

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ASEMCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ASEMCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASEMCO TRADING CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ASEMCO TRADING

2. Mã số doanh nghiệp: 0108955333

3. Ngày thành lập: 23/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà Sannam, Số 78 Phố Duy Tân , Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Tư vấn, thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
8.	Xây dựng công trình điện	4221

9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4390
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13.	Xây dựng công trình thủy	4291
14.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng Lắp đặt thiết bị nội thất,	4330
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý bán hàng hóa + Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;	4610
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
28.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
34.	Bốc xếp hàng hóa	5224

35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn bất động sản Môi giới bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
39.	Khai thác dầu thô	0610
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên Khoan định hướng, đào lớp ngoài, xây dựng giàn khoan, sửa chữa và tháo dỡ trang thiết bị, trát bờ giếng, bơm giếng, bịt giếng, hủy giếng v.v... + Khoan thử trong khai thác dầu khí.	0910
41.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư chuyên ngành nước và môi trường Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	3250
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649

47.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
48.	Giáo dục nhà trẻ	8511
49.	Giáo dục mẫu giáo	8512
50.	Giáo dục tiểu học	8521
51.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
52.	Đào tạo sơ cấp	8531
53.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
54.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn hóa chất; chế phẩm xử lý môi trường; Bán buôn hóa chất khác (không tồn trữ hóa chất).	4669
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
58.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
59.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
60.	Thu gom rác thải độc hại	3812
61.	Tái chế phế liệu	3830
62.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Quan trắc môi trường Tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	7490
63.	Khai thác quặng sắt	0710
64.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
65.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
66.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại -Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác	4662
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ TUẤN THÀNH	Số 54 Vũ Trọng Phụng, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.500	5.500.000.000	55,000	142005376	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.500	5.500.000.000	55,000		
2	MAI THANH HẢI	803,V3, CT9, Đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500	3.500.000.000	35,000	030081006670	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.500	3.500.000.000	35,000		

3	VŨ XUÂN TRANH	Số 54 Vũ Trọng Phụng, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	1.000.000.000	10,000	0300530010 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI THANH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030081006670

Ngày cấp: 01/10/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 803, V3, CT9, Đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 803, V3, CT9, Đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: **VŨ TUẦN THÀNH** Giới tính: **Nam**
 Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**
 Sinh ngày: **27/04/1981** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
 Số giấy chứng thực cá nhân: **142005376**
 Ngày cấp: **08/03/2013** Nơi cấp: **Công an Hải Dương**
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 54 Vũ Trọng Phụng, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam**
 Chỗ ở hiện tại: **Số 54 Vũ Trọng Phụng, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam**
11. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**